TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2**09**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2026
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui

2. Bà Phan Thị Như Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 2006. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BC, xã GCĐ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Công N1, sinh năm 2000. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp CM, xã GCĐ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 26/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N trình bày:***

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã GCĐ, tỉnh Đồng Tháp). Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2025 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gay gắt, có thời điểm xung đột bằng bạo lực, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nay chị nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N1.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung tên Trần Phạm Ngân Q, sinh ngày 20/4/2022 và Trần Phạm Quỳnh N2, sinh ngày 16/7/2024 hiện sống cùng chị. Ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung và cấp

dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Công N1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2025 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã GCĐ, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2025 ngày 13/02/2025 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị N: Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn thậm chí xung đột bằng bạo lực, do bất đồng quan điểm sống và đến nay không thể hàn gắn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh N1 nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị N. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh N1 mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn như chị N đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh N1 là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Tuyết N. Chị Phạm Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trần Công N1.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004989 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 2 - ĐT;
- UBND xã GCĐ, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.